TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2023
V/v: "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Hiệp.

2. Bà Đào Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm: 1960. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Tạm trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 9, khu chung cư Th, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Xuân B**, sinh năm:1960. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 21, phân trại 6, Trại giam Ph, Bộ công an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T2), huyện B2, tỉnh B vào ngày 10/3/1982. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1987 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông B hay chơi cờ bạc, không quan tâm gia đình, không cùng bà lo kinh tế gia đình, là người nghiện ma túy, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, cụ thể: Năm 2000 bị xử phạt

30 tháng tù, năm 2010 bị xử phạt 36 tháng tù, năm 2019 bị xử phạt 5 năm 06 tháng tù, hiện nay đang đi chấp hành án. Mâu thuẫn đã được vợ chồng nhiều lần tìm cách cùng giải quyết, các con cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không giải quyết được và ngày càng trầm trọng. Cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, bà đã thuê nhà ra ở riêng từ năm 2015, vợ chồng không còn quan tâm hay có trách nhiệm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nay bà xác định không còn lòng tin, tình cảm vợ chồng với ông B, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, nếu sau này ông B chấp hành án xong trở về thì vợ chồng cũng không thể chung sống hạnh phúc được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân B.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông B có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/01/1987 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 10/5/1988. Hiện nay các con đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân và đã có gia đình riêng. Khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Xuân B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định về việc kết hôn đúng như bà V trình bày. Quá trình chung sống ông luôn quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, thi thoảng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do ông nghiệm ma túy từ năm 1990. Trước khi ông đi chấp hành án vợ chồng vẫn chung sống bình thường, không có việc ly thân.

Nay bà V xin ly hôn ông không nhất trí, vì ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà V, bà V hiện nay nợ bên nội nhiều chưa trả được, ông sắp chấp hành án xong nếu sau này ông ra trại vợ chồng không tiếp tục chung sống được với nhau thì sẽ ly hôn sau. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vân với ông.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà V có 2 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/01/1987 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 10/5/1988. Hiện nay các con đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân và đã có gia đình riêng. Nếu phải ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và vay nợ chung: Nếu phải ly hôn ông và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh với các con của bà V, ông B và chính quyền địa phương để làm rõ tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng. Kết quả xác

minh cho thấy giữa ông Bé và bà Vân có mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Xuân B, sinh năm:1960. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 54, phân trại 6, Trại giam Ph, Bộ công an. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

** Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 10/3/1982 tại UBND xã T (nay là xã T1), huyện B2, tỉnh B nên hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống giữa bà Vân và ông B có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung giữa hai bên không hạnh phúc. Ông B có nhược điểm là người nghiện ma túy, vi phạm pháp luật hình sự phải đi chấp hành án nhiều lần nhưng vẫn tái nghiện, hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Ph.

Nay bà V xác định không còn lòng tin, tình cảm vợ chồng nên đề nghị được ly hôn. Ông B cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà V và không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng không có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng.

Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thực tế, có đủ cơ sở xác định hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

* *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà V và ông B có 2 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/01/1987 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 10/5/1988. Hiện nay các con đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Bà V, ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Xuân B.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Xuân B có 2 (Hai) con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/01/1987 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 10/5/1988. Hiện nay con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Xuân B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại phiếu thu số 0002300 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND xã Tân Tú, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương